TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-PT
Ngày 05 - 4 - 2019
V/v tranh chấp về chia tài sản
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng và ông Nguyễn Văn Thuyên

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Huế - Thẩm tra viên Toà án nhân dân t ỉnh Đăk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Bà Đào Thị Óng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019về *"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 22-11-2018 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Y; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Y:*Luật sư Hoàng Thị S - Văn phòng luật sư Đ thuộc đoàn luật sư tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

Bị đơn: Ông Đào Xuân T; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Tô Tiến D (Văn bản ủy quyền ngày 16/4/2018); địa chỉ: Số 55 đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk - Vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-10-2017, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 01/12/2017, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 04/01/2018, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 01/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà

Trần Thị Y trình bày: Bà Trần Thị Y và ông Đào Xuân T đã được Tòa án giải quyết ly hôn và chia tài sản khi ly hôn theo bản án số 10/2017/HNGĐ-ST ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, bản án số 03/2017/HNGĐ-PT ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông. Tuy nhiên, khi ly hôn nguyên đơn và bị đơn còn một số tài sản chưa chia, hiện nay số tài sản này do ông Đào Xuân T quản lý, sử dụng. Do đó, bà Trần Thị Y yêu cầu Tòa án chia các tài sản cụ thể như sau: Số tiền 173.391.200đ, gồm có số tiền gửi tiết kiệm 120.000.000đ và tiền lãi là 22.691.200đ; số tiền 20.000.000đ bà Trần Thị Y đã gửi vào tài khoản của ông Đào Xuân T vào tháng 10/2015 do ông Đào Xuân T về quê; số tiền 10.700.000đ bà Trần Thị Y chi cho ông Đào Xuân T học lái xe. Ngoài ra, còn một số tài sản là hiện vật như: 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream; 01 két sắt; 01 chiếc cân tạ; 01 giường ngủ; 02 tủ kính; 01 cuộn ống xịt rửa xe; 01 ki ốt tọa lạc tại chợ Cư Jút; 01 xe rùa; 01 tủ lạnh; 01 giếng khoan; 01 hợp đồng nước sạch + hệ thống ống dẫn; 01 hợp đồng điện thắp sáng; 01chảo Ăngten ti vi; 01 trụ điện hạ thế; 01 bình gaz; 01 cổng xây gạch; chậu, xoong, nồi, bát đĩa thì bà Trần Thị Y yêu cầu chia đôi và đề nghị ông Đào Xuân T trả lại số tiền 700.000đ và 04 bao lúa là tài sản riêng của bà Trần Thị Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia một phần tài sản nên ngày 28/3/2018 nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các tài sản gồm: 01 bộ bàn ghế gỗ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream; 01 két sắt; 01 chiếc cân tạ; 01 giường ngủ; 02 tủ kính; 01 cuộn ống xịt rửa xe; 01 ki ốt tọa lạc tại chợ Cư Jút; 01 xe rùa; 01 tủ lạnh; 01 giếng khoan; 01 hợp đồng nước sạch + hệ thống ống dẫn; 01 hợp đồng điện thắp sáng; 01chảo Ăngten ti vi; 01 trụ điện hạ thế; 01 bình gaz;01 cổng xây gạch; chậu, xoong, nồi, bát đĩa; trả lại 700.000đ là tiền thay đường dây điện và 04 bao lúa. Bà Trần Thị Y giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện gồm chia đôi số tiền 173.391.200đ, tương ứng mỗi người được nhận số tiền 86.695.600đ.

Do có căn cứ cho rằng ông Đào Xuân T chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất thổ cư duy nhất cho người khác, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Y khi thi hành án nên ngày 24/4/2018 bà Trần Thị Y yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm thực hiện hành vi nhất định" đối với thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 09, diện tích 89m^2, địa chỉ Thị trấn E, huyện C và được Tòa án chấp nhận.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 12/4/2018, đơn yêu cầu phản tố bổ sung ngày 01/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đào Xuân T, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Đối với yêu cầu chia đôi số tiền 173.391.200đ bị đơn không đồng ý vì cho rằng số tiền gửi tiết kiệm 120.000.000đ và số tiền lãi 22.691.200đ ông Đào Xuân T đã rút từ năm 2014 đưa cho bà Trần Thị Y cho người khác vay (cụ thể là

cho ông Ninh Văn S vay 30.000.000đ và chị Ninh Thị H vay 60.000.000đ); số tiền 20.000.000đ bà Trần Thị Y gửi vào tài khoản của bị đơn thì bị đơn đã rút và đưa lại cho bà Trần Thị Y ở thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; ông Đào Xuân T có học lái xe nhưng chỉ nộp 5.000.000đ nên chấp nhận trả lại cho bà Trần Thị Y số tiền 2.500.000đ.

Bị đơn có yêu cầu phản tố đối với số tiền 140.000.000đ mà bà Trần Thị Y ký kết hợp đồng với Công ty bảo hiểm nhân thọ Prudental và số tiền 90.000.000đ bà Trần Thị Y dùng tiền chung của vợ chồng là khoản tiền rút tiết kiệm để cho ông Ninh Văn S và chị Ninh Thị H vay (vay và trả nợ trong thời kỳ hôn nhân). Ông Đào Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Y trả lại cho ông T ½ số tiền, tương ứng 115.000.000đ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 22-11-2018 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nôngquyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; điểm 1 khoản 1 Điều 24; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Đào Xuân T.

Buộc ông Đào Xuân T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Y số tiền 83.845.600đ, trong đó 71.345.600đ tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng; 10.000.000đ bà Trần Thị Y gửi vào tài khoản cho ông Đào Xuân T 2.500.000đ bà Trần Thị Y đưa ông Đào Xuân T học lái xe ôtô.

Buộc bà Trần Thị Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đào Xuân T số tiền 45.000.000đ, được trừ vào số tiền 83.845.600đông Đào Xuân T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Y, ông Đào Xuân T còn phải thanh toán cho bà Trần Thị Y số tiền 38.845.600đ.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 06-12-2018, nguyên đơn bà Trần Thị Y có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 22-11-2018 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn ông Đào Xuân T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Y trình bày: Số tiền 60.000.00 đồng ông T cho bà Ninh Thị H vay vào năm 2014, nhưng bà H không nhớ là vay tháng nào, ông T rút tiền tiết kiệm vào tháng 10/2014 để cho bà H vay là không phù hợp với thời điểm ông T rút tiền vì vậy bà yêu cầu được chia ½ số tiền này; số tiền 47.000.000 đồng là số tiền trong thời kỳ hôn nhân bà Y bỏ ra để đổ đất và đổi ruộng nhưng cấp sơ thẩm không xem xét buộc ông T trả cho bà ½ số tiền này. Số tiền 90.000.000 đồng là tiền riêng của bà Y để xoay vòng buôn bán thịt heo ở chợ tòa án cấp sơ thẩm tuyên chia đôi số tiền này là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Các Thẩm phán, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều tuân thủ đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả hỏi tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Vịen kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Y số tiền 71.345.600đ tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng; 10.000.000đ bà Trần Thị Y gửi vào tài khoản cho ông Đào Xuân T; 2.500.000đ bà Trần Thị Y đưa ông Đào Xuân T học lái xe ôtô. Buộc bà Trần Thị Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đào Xuân T số tiền 45.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm số : 21/2018/HNGĐ-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. *Về thời hạn kháng cáo:* Ngày 06-12-2018, nguyên đơn bà Trần Thị Y kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 22-11-2018 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút là trong thời hạn kháng cáo, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ, đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Trần Thị Y kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Cư Jút (Toà án cấp sơ thẩm), nên việc thụ lý giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông (Toà án cấp phúc thẩm) là đúng quy định pháp luật.

[3]. *Về nội dung kháng cáo:*

[3.1]. Đối với tiền gửi tiết kiệm 120.000.000đ và tiền lãi 22.691.200đ (tổng 142.691.200đ), bà Trần Thị Y yêu cầu chia đôi số tiền này: Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bà Trần Thị Y cho rằng số tiền 90.000.000đ là tiền riêng của

bà (cho ông Ninh Văn S vay 30.000.000đ; cho anh Trần Văn O và chị Ninh Thị H vay 60.000.000đ vào năm 2014, vay và trả trong vài ngày) nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xác định là tiền riêng của bà Trần Thị Y. Tuy nhiên, ông Đào Xuân T rút tiền gửi tiết kiệm và tiền lãi vào năm 2014 là trùng với thời điểm bà Trần Thị Y cho vay nên có căn cứ để xác định số tiền 90.000.000đ này thuộc khoản tiền 142.691.200đ nêu trên. Như vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định chia đôi số tiền 142.691.200đ nêu trên và cấn trừ số tiền 90.000.000đ theo yêu cầu phản tố của ông Đào Xuân T*(buộc bà Trần Thị Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đào Xuân T số tiền 45.000.000đ)* là phù hợp, vì theo lời khai của bà Trần Thị Y tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12-11-2018 (BL 201) bà Trần Thị Y là người cho vay và nhận trả lại số tiền 90.000.000đ. Ngoài ra, bà Trần Thị Y cho rằng ông Đào Xuân T cho chị Ninh Thị H vay 60.000.000đ riêng từ số tiền 142.691.200đ nêu trên nhưng không chứng minh được nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu chia đôi số tiền này.

[3.2]. Đối với yêu cầu chia đôi số tiền 47.000.000đ: Đây là số tiền mà bà Trần Thị Y cho rằng đã chi để đổi ruộng và đổ đất vào vườn *(thửa đất nông nghiệp đã được chia tài sản chung trong vụ án ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn trước đây)* nên bà yêu cầu ông Đào Xuân T phải trả lại cho bà ½ số tiền này: Hội đồng xét xử xét thấy bà Trần Thị Y có đơn khởi kiện bổ sung ngày 01-12-2017 (đơn nộp trực tiếp vào ngày 21-12-2017) để yêu cầu nội dung này. Ngày 25-12-2017, Tòa án nhân dân huyện Cư Jut ban hành Thông báo số 01/TB-TA yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Ngày 04-01-2018, bà Trần Thị Y nộp trực tiếp đơn khởi kiện bổ sung ngày 04-01-2018 không yêu cầu ông Đào Xuân T phải trả lại cho bà ½ số tiền 47.000.000đ. Do đó, kháng cáo của bà Trần Thị Y yêu cầu chia đôi số tiền 47.000.000đ là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Y, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. *Về án phí:* Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Yphải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6]. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Y, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 22-11-2018 của Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; điểm 1 khoản 1 Điều 24; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án:

1.2. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y.
- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Đào Xuân T.

Buộc ông Đào Xuân T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Y số tiền 83.845.600đ, trong đó 71.345.600đ tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng; 10.000.000đ bà Trần Thị Y gửi vào tài khoản cho ông Đào Xuân T; 2.500.000đ bà Trần Thị Y đưa ông Đào Xuân T học lái xe ôtô.

Buộc bà Trần Thị Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đào Xuân T số tiền 45.000.000đ, được trừ vào số tiền 83.845.600đông Đào Xuân T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Y, ông Đào Xuân T còn phải thanh toán cho bà Trần Thị Y số tiền 38.845.600đ.

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc nguyên đơn bà Trần Thị Y phải chịu số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002888 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

3. Đối với những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. H;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Thị Ngọc